TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Tuấn Thịnh
Bà Hoàng Thị Bích Phượng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 28/11/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/ QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai
Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1967
Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai
Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 15/10/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn L tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 01/1993 không có đăng ký kết hôn và được gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, anh chị chung sống được một thời gian đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên cãi vã nhau. Do mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay không quan tâm tới nhau. Nay chị T xét thấy không còn tình cảm với anh L, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Phạm Văn L. Về con chung, trong thời gian chung sống anh chị có hai con chung là Phạm Duy H sinh ngày 08/10/1993 và Phạm Văn H1 sinh ngày 08/4/1997. Các con của anh chị đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị không đề nghị Toà án giải quyết. Về tài sản và công nợ, anh chị không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn L, bản tự khai ngày 28/10/2024 anh trình bày: Anh và chị T về chung sống với nhau từ ngày 09/01/1993 không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc đến năm 2010 thì có mâu thuẫn và nguyên nhân đúng như chị T đã trình bày, hiện nay anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 không quan tâm tới nhau. Nay chị T xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Về con chung, hai con chung Phạm Duy H và Phạm Văn H1 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra giữa anh và chị T cũng không có tài sản và công nợ chung.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Toà án đã thông báo cho các bên tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối với vụ án này Toà án không hoà giải do các bên không có đăng ký kết hôn. Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên ý kiến xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Đỗ Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án "Ly hôn" với anh Phạm Văn L. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chị T và anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn L đã tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1993 không làm thủ tục đăng ký kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Quá trình giải quyết vụ án anh chị đều thừa nhận cuộc sống chung có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi vã nhau và đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Theo xác nhận của UBND xã Xuân Quang thì việc anh chị không có đăng ký kết hôn là đúng sự thật, do đó hôn nhân của anh chị là không hợp pháp. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là không thể chấp nhận bởi lẽ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận, căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử cần phải tuyên bố không công nhận chị T và anh L là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh L có hai con chung là Phạm Duy H sinh ngày 08/10/1993 và Phạm Văn H1 sinh ngày 08/4/1997. Hiện nay các con chung của anh chị đều đã trưởng thành trên 18 tuổi phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử không công nhận chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn L là vợ chồng.

2/ Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0001063 ngày 25/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, chị đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- UBND xã Xuân Quang;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh